

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: **76** /2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 12 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định lộ trình và mức thu phí bảo vệ môi trường
đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đồng Hới**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ 19**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính
phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng
nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 366/TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định lộ trình
và mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành
phố Đồng Hới; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo
luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định lộ trình và mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đồng Hới.

2. Đối tượng áp dụng: Các đối tượng chịu phí được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ (trừ các trường hợp miễn thu phí theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định 53/2020/NĐ-CP) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định lộ trình và mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đồng Hới, cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng/m³.

<i>Thời gian</i> <i>Đối tượng chịu phí</i>	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Phí nước thải các hộ dân cư	1.610	1.610	1.610
Phí nước thải các cơ quan HCSN, công cộng	7.020	7.360	7.720
Phí nước thải các đơn vị sản xuất vật chất	8.900	9.330	9.780
Phí nước thải các đơn vị kinh doanh	11.240	11.780	12.350

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 02 tháng 4 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số quy định về mức thu các loại phí, lệ phí, học phí, tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu phí tại Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 của HĐND tỉnh hết hiệu lực thi hành ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH**Trần Hải Châu**